

Bản án số: 906/2024/DSST

Ngày: 10/9/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Tiến Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Đầu.

2/ Ông Đinh Minh H.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Hoàng Phúc – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân: Bà Hồ Thị Vân - Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 05 và ngày 10 tháng 09 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2023/TLST-DS ngày 31/5/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định xét xử số 728/2024/QĐXXST-DS ngày 14/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K; Địa chỉ: đường T, phường V, thành phố G, tỉnh K.

Đại diện theo ủy quyền: ông Đào Tuấn P.

Địa chỉ: đường T, phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1/ Ông Trần Minh H, sinh năm: 1988. (có mặt)

2/ Bà bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 1987.

Đại diện theo ủy quyền là ông Trần Minh H, sinh năm: 1987. (có mặt)

Cùng địa chỉ: đường C, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/5/2023 và đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 23/7/2024 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP K (Gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Minh H cùng bà Nguyễn Thị Mỹ L giao kết hợp đồng tín dụng từng lần số: 287/18/HĐTD/2800-2371

ngày 28/11/2018, theo nội dung của hợp đồng thì Ngân hàng sẽ cho ông H và bà L vay số tiền 100.000.000.000 để thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, theo nội dung của hợp đồng thì Ngân hàng cho ông H và bà L vay số tiền trên trong thời hạn 240 tháng với lãi suất 9%/1 năm cho 06 tháng đầu và điều chỉnh lãi suất 03 tháng 1 lần với mức lãi suất tiền gửi 13 tháng cộng biên độ 4,5%, lãi quá hạn là 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả là 10%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là các phần đất: thửa đất số 02 tờ bản đồ số 13, ấp Suối Mây, xã Dương Tơ, huyện Ptheo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00140 ngày 01/11/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc; thửa đất số 01 tờ bản đồ số 13, ấp Suối Mây, xã Dương Tơ, huyện Ptheo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00141 ngày 01/11/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc; thửa đất số 08 tờ bản đồ số 13, ấp Suối Mây, xã Dương Tơ, huyện Ptheo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00139 ngày 01/11/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc. Căn cứ giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/11/2018 Ngân hàng đã giải ngân số tiền 100.000.000.000 đồng vào tài khoản số 3037979 đứng tên bà Bùi Thị Kiều Lan mở tại Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh NB.

Ngoài ra để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng và ông Trần Minh H cùng bà Nguyễn Thị Mỹ L đã ký các hợp đồng gồm: Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 287/18/HĐtD/2800-2371-01 ngày 04/12/2018, Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 287/18/HĐtD/2800-2371-02 ngày 02/02/2021, Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 287/18/HĐtD/2800-2371-03 ngày 28/02/2022 để sửa đổi hợp đồng thế chấp và gia hạn thời gian trả nợ gốc cho ngân hàng và cũng tạo điều kiện để bên bị đơn có thời gian trả nợ trong thời gian bị dịch Covid 19.

Từ khi ký lại các hợp đồng tín dụng từng lần để ân hạn trả nợ gốc và lãi do ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 02/3/2023 và ngày 22/3/2023 Ngân hàng đã thông báo về các khoản phải trả trước hạn, trường hợp không thanh toán được thì Ngân hàng sẽ tiến hành xử lý nợ theo quy định của pháp luật.

Hiện tại lãi suất đối với khoản vay của ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L là 17.03%/1 năm, từ thời điểm chuyển nợ quá hạn thì lãi suất quá hạn tính từ ngày 17/3/2023 là 150% lãi suất trong hạn và áp dụng với mức lãi suất là 25.95%/năm.

Nay Ngân hàng TMCP K đề nghị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh buộc bị đơn là ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L phải thanh toán toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 05/9/2024 là 168.585.560.818 đồng (Gốc là 100.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 29.343.726.027 đồng, lãi phạt chậm trả là 850.053.969 đồng, lãi quá hạn là 38.391.780.822 đồng).

Ngày 09/9/2024 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi trong giai đoạn từ ngày 28/11/2020 đến ngày 28/11/2021 và chỉ yêu cầu tính lãi với lãi suất là 9.5%/năm với số tiền tương đương là 9.500.000.000 đồng và giảm đi 2.500.000.000 đồng cùng tiền lãi phạt chậm trả tính đến ngày 05/9/2024 là số tiền 47.158.942 đồng. Do đó số tiền mà ngân hàng xin rút lại yêu cầu là 2.547.158.942 đồng.

Vì vậy đề nghị Tòa án buộc bị đơn là ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L phải thanh toán toàn bộ số tiền là 166.038.401.877 đồng (Vốn gốc là 100.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 26.843.726.027 đồng, lãi quá hạn là 38.391.780.822 đồng, phạt chậm trả lãi là 802.895.027 đồng) tính đến ngày 05/9/2024 cho Ngân hàng TMCP K và vẫn phải tiếp tục trả lãi từ ngày 06/9/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là phần đất có diện tích 2.461,9m² thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 13, xã D, thành phố P, tỉnh K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00141 ngày 01/11/2010 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 18088 quyền 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/12/2018 tại Văn phòng Công chứng số 2, tỉnh Kiên Giang

Ngân hàng TMCP K xin rút lại yêu cầu về việc phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất số thửa đất số 02 tờ bản đồ số 13, xã D, thành phố P, tỉnh K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00140 ngày 01/11/2010 của Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thành phố Phú Quốc), tỉnh Kiên Giang và thửa đất số 08 tờ bản đồ số 13, xã D, thành phố P, tỉnh K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00139 ngày 01/11/2010 của Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thành phố Phú Quốc), tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn ông Nguyễn Minh H tại các buổi làm việc, bản tự khai, bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa trình bày: Ông xác nhận có vay số tiền 100.000.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP K để thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ông đề nghị Hội đồng xem xét lại mức lãi hiện Ngân hàng đang áp dụng đối với ông bởi lẽ vào ngày 26/7/2022 thì Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh NB vẫn áp dụng mức lãi đối với khoản vay của ông bà là 9.5%/1 năm. Nay ông thấy mức lãi 17.3% là quá cao và không đúng với hợp đồng mà vợ chồng ông đã ký với Ngân hàng tại thời điểm vay.

Bị đơn là Nguyễn Thị Mỹ L có ông Nguyễn Minh H là đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa trình bày: ông thừa nhận khoản nợ tiền gốc chưa trả là 100.000.000.000 đồng, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại cách tính tiền lãi của Ngân hàng TMCP K vì mức lãi 17.3% là quá cao.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu về việc chấp hành đúng quy định tại bộ luật tố tụng dân sự của thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Về thời hạn giải quyết vụ án chưa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối với yêu cầu xin rút phần tiền lãi và phát mãi tài sản thế chấp đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với các yêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP K và Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị Mỹ L là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L có địa chỉ tại đường C, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Xét yêu cầu của đương sự:

Qua các chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đại diện nguyên đơn có đủ cơ sở để xác định ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L và Ngân hàng TMCP K có ký hợp đồng tín dụng từng lần số 287/18/HĐTD/2800-2371 ngày 28/11/2018 về việc vay số tiền 100.000.000.000 đồng. Ngày 28/11/2018 Ngân hàng đã giải ngân số tiền 100.000.000.000 đồng vào tài khoản số 3037979 đứng tên bà Bùi Thị Kiều Lan mở tại Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh NB theo khế ước nhận nợ và đề nghị giải ngân của ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Nay Ngân hàng TMCP K đề nghị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh buộc bị đơn là ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L phải trả toàn bộ khoản nợ là số tiền 166.038.401.877 đồng (Vốn gốc là 100.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 26.843.726.027 đồng, lãi quá hạn là 38.391.780.822 đồng, phạt chậm trả lãi là 802.895.027 đồng) tính đến ngày 05/9/2024 và vẫn phải tiếp tục trả lãi từ ngày 06/9/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Xét yêu cầu trả tiền số tiền nợ gốc: căn cứ hợp đồng tín dụng từng lần số 287/18/HĐTD/2800-2371 ngày 28/11/2018, giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ ngày 28/11/2018 Ngân hàng đã giải ngân số tiền 100.000.000.000 đồng vào tài khoản số 3037979 đứng tên bà Bùi Thị Kiều Lan mở tại Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh NB, tại phiên tòa bên Ngân hàng và bị đơn là ông Trần Minh H đều thừa nhận đã giải ngân số tiền 100.000.000.000 đồng. Hiện tại ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L chưa thanh toán được bất cứ khoản nợ gốc nào, nay Ngân hàng TMCP K yêu cầu bị đơn là ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L phải trả tiền nợ gốc 100.000.000.000 đồng là có sở để chấp nhận.

Xét yêu cầu về tiền lãi:

+ Hợp đồng tín dụng từng lần số 287/18/HĐTD/2800-2371 ngày 28/11/2018 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 287/18/HĐTD/2800-2371-01 ngày 04/12/2018, Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 287/18/HĐTD/2800-2371-02 ngày 02/02/2021, Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 287/18/HĐTD/2800-2371-03 ngày 28/02/2022 giữa Ngân hàng TMCP K với ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L đã thỏa thuận rõ mức lãi là 9%/1 năm cho 180 ngày sau khi lý hợp đồng, sau đó điều chỉnh lãi suất 03 tháng 1 lần với mức lãi suất tiền gửi 13 tháng cộng biên độ 4,5%, lãi quá hạn là 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả là 10%/năm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 28/11/2018 đến ngày 28/11/2020 mức lãi áp dụng là 9.5%/1 năm, bên phía bị đơn đã thanh toán số tiền lãi là 18.778.082.192 đồng, và khoản tiền chậm thanh toán lãi là 35.943.705 đồng.

+ Ngân hàng TMCP Kiên Long ngày 09/9/2024 đã đề nghị áp dụng lãi suất với khoản vay từ ngày 28/8/2020 đến ngày 28/8/2021 với lãi suất là 9.5%/năm, mức lãi suất

trên là phù hợp quy định và bên bị đơn cũng đồng ý do đó bên phía bị đơn phải chịu lãi suất của thời gian trên là 9.5%/năm tương đương số tiền 9.500.000.000 đồng cùng tiền phạt chậm trả lãi.

+ Từ thời điểm từ ngày 29/8/2021 đến ngày 28/8/2022 bên phía Ngân hàng K đã thay đổi mức lãi suất theo Quyết định số 408A/QĐ-NHKL ngày 10/3/2021, đại diện Ngân hàng đã thông báo cho ông Nguyễn Minh H bằng biên bản làm việc ngày 29/11/2021 và thể hiện việc thay đổi mức lãi suất đối với hợp đồng tín dụng là 12%/ 1 năm, ông Trần Minh H có đề nghị xem xét xin giảm lãi nhưng không có văn bản nào thể hiện bên Ngân hàng giảm lãi suất cho bên bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm trên ngân hàng TMCP K đã ban hành biểu lãi suất đúng theo quy định và lãi suất đối với khoản vay của bị đơn là phù hợp với biểu lãi suất cũng như biên độ theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký do đó bị đơn phải chịu lãi suất cho thời gian trên là 12%/năm.

+ Giai đoạn từ ngày 29/8/2022 đến ngày 28/11/2022 Ngân hàng K đã thay đổi biểu lãi suất cho vay theo quyết định số 2304/TB-NHKL ngày 12/8/2022 với lãi suất cơ sở là 9.88% cộng biên độ thấp nhất của lãi suất cho thời gian vay từ 10 năm trở xuống là 3.2%, Ngân hàng đã thông báo cho bị đơn mức lãi suất mới là 13.08%/1 năm vào ngày 26/8/2022 và bị đơn có ký xác nhận. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lãi cho thời gian trên với mức lãi suất là 13.08%/năm.

+ Giai đoạn từ ngày 28/11/2022 đến ngày 15/3/2023 Ngân hàng K đã tiếp tục thay đổi mức lãi suất cho vay theo Thông báo số 3318/TB-NHKL ngày 17/11/2022 với lãi suất cơ sở là 13.5%/1 năm và biên độ lãi suất là 3.8% áp dụng cho thời hạn vay 10 năm và mục đích vay là phục vụ đời sống. Ngân hàng đã áp dụng lãi suất là 17.3%/1 năm cho khoản vay của bị đơn và đã thông báo cho bị đơn vào ngày 27/11/2022 có biên bản làm việc với bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích vay của bị đơn là thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ngân hàng áp dụng khoản vay vào mục đích phục vụ đời sống là đúng quy định, việc ngân hàng cộng biên độ lãi suất là đúng quy định theo hợp đồng các bên đã ký kết. Do đó bị đơn phải chịu lãi suất cho thời gian trên là 17.3%.

Việc bị đơn cung cấp chứng cứ là bảng tính lãi ngày 26/7/2022 thể hiện khoản vay của bên phía bị đơn đang được ngân hàng tính lãi với lãi suất là 9.5%/năm, tại phiên tòa đại diện bên phía nguyên đơn khai bên ngân hàng không có thông báo nào về việc áp dụng mức lãi trên đối với bị đơn, việc ngân hàng tăng lãi suất đều thông báo cho bên phía bị đơn còn việc Ngân hàng có in để tính mức lãi trên chỉ là để tham khảo.

Xét thấy việc Ngân hàng TMCP K tăng lãi suất đối với hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L là đúng quy định theo hợp đồng mà các bên đã giao kết, việc tăng lãi suất không vi phạm điều cấm của pháp luật, mỗi lần tăng lãi suất Ngân hàng đều thông báo cho bên bị đơn biết và có văn bản xác nhận. Do đó nay Ngân hàng yêu cầu tính lãi suất như trên và buộc bị đơn phải chịu khoản tiền lãi tính đến ngày 05/9/2024 là 66.038.401.876 đồng (lãi trong hạn là 26.843.726.027 đồng, lãi quá hạn là 38.391.780.822 đồng, phạt chậm trả lãi là 802.895.027 đồng) là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu buộc bị đơn ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh kể từ sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết số tiền

nợ Ngân hàng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên có căn cứ chấp nhận.

Do đó cần buộc bị đơn là ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP K là 166.038.401.877 đồng tính đến ngày 05/9/2024.

Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP K về việc xử lý tài sản thế chấp là phần đất có diện tích 2.461,9m² thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 13, ấp Suối Mây, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Hội đồng xét xử xét thấy tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 18088 quyền 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/12/2018 tại Văn phòng Công chứng số 2, tỉnh Kiên Giang giữa Ngân hàng TMCP K với ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L là đúng quy định của pháp luật, do bị đơn không trả được tiền nợ nên phát sinh quyền yêu cầu phát mãi tài sản đối với bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP K. Do đó trong trường hợp ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L không trả được tiền nợ thì Ngân hàng TMCP K được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là phần đất nêu trên.

Đối với yêu cầu rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là các phần đất tọa lạc tại các thửa 02 và 08 tờ bản đồ số 13, ấp Suối Mây, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, việc rút lại yêu cầu là quyền của nguyên đơn, bị đơn không được quyền đồng ý hay không đồng ý với việc rút yêu cầu trên. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu rút lại yêu cầu trên và đình chỉ yêu cầu khởi kiện trên.

Đối với yêu cầu buộc bị đơn phải hoàn trả tiền chi phí tố tụng là 40.000.000 đồng cho bên phía nguyên đơn. Căn cứ Điều 157 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015, do yêu cầu thẩm định tại chỗ của nguyên đơn được chấp nhận, và tại phiên Tòa bên phía bị đơn đồng ý sau này phát mãi tài sản thế chấp sẽ trừ vào số tiền trên để trả cho nguyên đơn. Do đó Hội đồng xét xử cần buộc bên phía bị đơn là ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L có trách nhiệm hoàn lại số tiền 40.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP K.

3. Về án phí:

Do ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền 166.038.401.877 đồng nên phải chịu án phí có giá ngạch là 274.038.402 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí là 119.606.348 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2022/0011433 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 157, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng các Điều 357, Điều 463, Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L phải trả toàn bộ khoản nợ là số tiền 166.038.401.877 (Một trăm sáu mươi sáu tỉ không trăm ba mươi tám triệu bốn trăm lẻ một nghìn tám trăm bảy mươi bảy) đồng tính đến ngày 05/9/2024 cho Ngân hàng TMCP K ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật theo các hợp đồng tín dụng từng lần số 287/18/HĐTD/2800-2371 ngày 28/11/2018 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 287/18/HĐTD/2800-2371-01 ngày 04/12/2018, Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 287/18/HĐTD/2800-2371-02 ngày 02/02/2021, Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 287/18/HĐTD/2800-2371-03 ngày 28/02/2022 giữa Ngân hàng TMCP K với ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Kể từ ngày 06/9/2024 ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L vẫn phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP K cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP K được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là phần đất có diện tích 2.461,9m² thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 13, xã D, thành phố P, tỉnh K theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 18088 quyền 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/12/2018 tại Văn phòng Công chứng số 2, tỉnh Kiên Giang.

Buộc ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L có trách nhiệm trả lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng cho Ngân hàng TMCP K.

2/ Đình chỉ yêu cầu về việc buộc ông Trần Minh H phải trả khoản tiền lãi trong hạn là 2.500.000.000 đồng và tiền phạt chậm trả lãi là 47.158.942 đồng.

Đình chỉ yêu cầu trường hợp ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L không trả được nợ cho ngân hàng thì ngân hàng TMCP K được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản là thửa đất số 02 tờ bản đồ số 13, ấp Suối Mây, xã Dương Tơ, huyện P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00140 ngày 01/11/2010 của Ủy ban nhân dân huyện P (nay là Thành phố Phú Quốc) tỉnh Kiên Giang và thửa đất số 08 tờ bản đồ số 13, ấp Suối Mây, xã Dương Tơ, huyện P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00139 ngày 01/11/2010 của Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thành phố Phú Quốc) tỉnh Kiên Giang theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 18088 quyền 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/12/2018 tại Văn phòng Công chứng số 2, tỉnh Kiên Giang.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Mỹ L phải trả cho Ngân hàng TMCP K Á số tiền 166.038.401.877 đồng nên phải chịu án phí có giá ngạch là 274.038.402 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí là 119.606.348 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2022/0011433 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Bình Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Tiến Trung